TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 6 - 2022
V/v: Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Văn P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Duy Niên.

Bà Phạm Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.

(Chị T vắng mặt tại phiên tòa có lý do)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn B, xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh P vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày***:

Chị và anh Nguyễn Văn P tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07 tháng 4 năm 2000 tại UBND xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn anh chị về sống cùng gia đình anh P tại thôn B, xã TL, huyện V. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị phải làm lụng vất vả lo kinh tế gia đình từ sáng sớm đến tối muộn nhưng anh P chỉ ở nhà ăn, chơi, không chịu đi làm, không những thế còn chơi bời cờ bạc, vay nợ nhiều người, chị đều phải đi trả, khi chị không còn khả năng trả nợ cho anh P thì anh P bắt chị ký vay tiền, chị không ký, anh P đánh đập chị, chửi bới chị, đốt xe máy của chị, đốt giường, đốt quần áo của chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Sự việc xảy ra nhiều lần, gia đình khuyên bảo không được, chị đã báo chính quyền địa phương nhờ can thiệp nhưng cũng không có kết quả. Tháng 6 năm 2021, do mâu thuẫn căng thẳng, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã M, huyện M, tỉnh Nam Định ở từ đó đến nay, anh P không đi tìm chị về, anh chị sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn là có và không thể hàn gắn, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, do đó, chị cương quyết xin ly hôn anh P. Việc ly hôn, chị đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

Chị và anh Nguyễn Văn P có hai con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2001 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2006. Nay ly hôn: Đối với con N đã trưởng thành, sức khỏe tốt, tự lập được về kinh tế và cuộc sống, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với con D, để con ổn định cuộc sống, có người trông nom, dạy bảo, chị đề nghị được nuôi dưỡng con D và không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con D cùng chị.

Về chia tài sản chung, chị và anh Nguyễn Văn P tự thỏa thuận phân chia, anh chị không đi vay và không cho ai vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn P***:

Tòa án đã giao trực tiếp và gửi hợp lệ qua đường bưu điện các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn P, gia đình anh P đều đã nhận được và đều đã thông báo lại cho anh P nhưng anh P không đến Tòa án, không có lời khai tại Tòa án và không giao nộp tài liệu, chứng cứ Tòa án yêu cầu.

**** Tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con đề ngày 20 tháng 4 năm 2022, cháu Nguyễn Văn D, trình bày:***

Bố đẻ cháu là Nguyễn Văn P. Mẹ đẻ cháu là Nguyễn Thị T. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng bố.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 20 tháng 4 năm 2022, ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị L (bố mẹ đẻ anh P) trình bày:***

Chị T, anh P kết hôn với nhau vào năm 2000 và về sống cùng gia đình ông bà. Về mâu thuẫn giữa anh chị, theo ông bà là xảy ra vào năm 2019 do chị T đi chợ buôn bán từ sáng sớm đến tối muộn mới về, không có thời gian chăm sóc gia đình nên anh P có mắng chửi chị T. Từ tháng 6 năm 2021 đến nay, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở Nam Định ở, thời gian đầu anh P có sang tìm 1, 2 lần nhưng chị T không về, sau anh P không đi tìm nữa. Nay chị T xin ly hôn anh P, ông bà đề nghị Tòa án phân tích để chị T về đoàn tụ, nếu chị T vẫn cương quyết xin ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị T, anh P có hai con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2001 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2006. Cháu N đã đủ 18 tuổi, có công việc và tự lập được cuộc sống. Cháu D hiện đã bỏ học và đang ở tại thôn B, xã TL. Nếu anh chị ly hôn, về con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Anh P làm thợ xây tự do, không thường xuyên có mặt ở nhà, lần anh P về nhà gần đây nhất là vào cuối tháng 3 năm 2022. Các văn bản tố tụng Tòa án gửi về cho anh P, gia đình ông bà đều đã nhận được và đều đã thông báo lại ngay cho

anh P. Anh P đã biết được việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T, anh P nhưng anh P không làm đơn ly hôn nên anh P không đến Tòa án.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 20 tháng 4 năm 2022, đại diện UBND xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Chị T, anh P đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2000 tại UBND xã TL, huyện V. Sau kết hôn anh chị sống cùng gia đình anh P tại địa phương. Từ tháng 6 năm 2021 đến nay, chị T về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở Nam Định. Anh P hiện cư trú tại địa P và làm nghề thợ xây tự do. Nay chị T xin ly hôn anh P, về hôn nhân và về con chung của anh chị, về phía chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh chị không có nghĩa vụ về tài sản đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn P. Đối với hai con chung của chị T, anh P: Con Nguyễn Văn N, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2001, đã thành niên, tự lập cuộc sống, không đặt ra giải quyết. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Văn D, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2006. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con D. Không đặt ra giải quyết về chia tài sản chung. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn P, anh P có nơi cư trú tại thôn B, xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn P thông qua gia đình anh P. Gia đình anh P đều đã nhận được và đều đã thông báo lại cho anh P nhưng anh P không có lời khai tại Tòa án, không giao nộp văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và tài liệu, chứng cứ kèm theo. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt anh P.

[1.3] Ngày 10 tháng 5 năm 2022, chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị T, anh P.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND TL, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01, ngày 07 tháng 4 năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, anh chị đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc rồi mới phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân chính, theo chị T là do anh P không tu chí làm ăn, chơi bời cờ bạc, vay nợ nhiều người, thường xuyên đánh đập, bạo lực với chị, do mâu thuẫn đỉnh điểm nên từ tháng 6 năm 2021 đến nay chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Về phía anh P, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ

án, anh P đều vắng mặt không có lý do, không có lời khai thể hiện ý kiến về mâu thuẫn vợ chồng, điều đó thể hiện anh P không có trách nhiệm trong việc duy trì hôn nhân, không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Và theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú và đại diện gia đình anh P thấy mâu thuẫn giữa chị T, anh P căng thẳng, kéo dài đã lâu, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, không quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T, anh P là có, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho ly hôn giữa chị T và anh P.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P có hai con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2001 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2006. Xét thấy: Con N đã thành niên, sức khỏe tốt, tự lập được kinh tế và cuộc sống nên không đặt ra giải quyết. Đối với con D, về phía chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con D và cũng có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc con. Khi Tòa án lấy lời khai, con D có nguyện vọng ở cùng bố nhưng anh P thường xuyên đi làm ăn xa, không có thời gian để chăm sóc và quan tâm đến con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con D, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần xử giao con D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con D, xét việc chị T không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con D là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung. Anh Nguyễn Văn P không có lời khai về tài sản tại Tòa án. Do vậy, về chia tài sản chung không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn P có hai con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2001 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2006. Đối với con N đã thành niên (đủ 18 tuổi), có sức khỏe tốt, đã tự lập được cuộc sống nên không đặt ra giải quyết. Đối với con D: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con D và chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con D.

2.2. Anh Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị T, anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con D và yêu cầu cấp dưỡng cho con D khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0001022 đề ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã TL, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 21, quyển số 01, 07/4/2000);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương